

MỤC LỤC

TRANG

Trang phụ bìa

Mục lục

MỞ ĐẦU

Chương 1: THỰC TRẠNG VIỆC LÀM SINH VIÊN KHOA GIÁO DỤC ĐÃ RA TRƯỜNG

1.1. Vài nét về khoa Giáo dục

1.2. Thực trạng việc làm của sinh viên khoa Giáo dục

1.3. Nhận xét

Chương 2: NHỮNG NGUYÊN NHÂN GÂY RA SỰ KHÓ KHĂN VỀ VIỆC LÀM CHO SINH VIÊN KHOA GIÁO DỤC ĐÃ RA TRƯỜNG

2.1. Nguyên nhân từ phía bản thân

2.2. Nguyên nhân từ phía nhà trường

2.3. Nguyên nhân từ phía nhà tuyển dụng

Chương 3: GIẢI PHÁP, KHUYẾN NGHỊ NHẪM GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ KHÓ KHĂN VỀ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN KHOA GIÁO DỤC ĐÃ RA TRƯỜNG

3.1. Giải pháp

3.1.1. Về phía bản thân sinh viên

3.1.2. Về phía nhà trường

3.1.3. Về phía Xã hội

3.2. Những khuyến nghị

Kết luận

Tài liệu tham khảo

Phụ lục

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong hệ thống giáo dục thì giáo dục Đại học có tác động mạnh mẽ đối với sự phát triển xã hội loài người, đặc biệt ở giai đoạn hiện nay, khi khoa học công nghệ tiến bộ vượt bậc, kinh tế tri thức đang hình thành và phát triển. Sứ mạng đào tạo nhân lực của trường đại học, việc khai thác và sử dụng các sản phẩm của giáo dục ở Việt Nam hiện nay là đề tài đang thu hút sự quan tâm đặc biệt của toàn xã hội. Bởi vì, đào tạo và sử dụng con người không chỉ là vấn đề của riêng ngành Giáo dục, mà là của toàn xã hội, của từng doanh nghiệp và của từng người sinh viên.

Trước đây đã có nhiều cuộc nghiên cứu và đã giúp chúng ta nhận rõ hơn về thực trạng việc làm trong xã hội, cách riêng của sinh viên như vào năm 1999, điều tra sinh viên tốt nghiệp trong 51 trường Đại học và Cao đẳng (trong đó có 2 Đại Học Quốc Gia và 3 Đại học vùng). Số sinh viên tốt nghiệp là 20.540 sinh viên. Kết quả điều tra cho thấy tỉ lệ chung sinh viên có việc làm là 72,47% và chưa có việc làm là 27,53%.

Và năm 2008, theo thống kê riêng của chương trình việc làm của báo Người Lao Động, bình quân cứ 100 lao động Đại học đến đăng kí tìm việc làm thì có khoảng 80% trong số này không tìm được việc làm trong 3 tháng đầu sau khi ra trường, 50% thất nghiệp trong thời gian 6 tháng đầu và 30% sau 1 năm. Theo kết quả điều tra mới đây của trường Đại học Kinh Tế Tp HCM, chỉ có 40% sinh viên

của trường tìm được việc làm trong 6 tháng sau khi tốt nghiệp và sau 1 năm tăng lên khoảng hơn 70%.

Trên phạm vi cả nước theo thống kê chưa đầy đủ của Bộ GD-ĐT năm 2008, cả nước chỉ có khoảng 25 trường có tỷ lệ trên 60% sinh viên ra trường được làm đúng ngành nghề đào tạo. Và con số này chủ yếu tập trung vào các trường thuộc lĩnh vực tự nhiên như: Đại học Y Dược, Đại học Ngoại thương, Học viện Ngân hàng, Đại học Kinh tế... Tỷ lệ này thấp hơn nhiều ở các trường như Đại học KHXH & NV, Đại học Luật hay Học viện Hành chính quốc gia...

(<http://nls.hcmuaf.edu.vn/contents.php?ids=3228&ur=nls>)

Còn tại Tp HCM, trung tâm kinh tế của cả nước, theo ông Nguyễn Hoàng Khang, Trưởng phòng Lao động – Tiền lương – Tiền công thuộc sở LĐ – TB – XH Tp HCM, cho biết mỗi năm Tp HCM có khoảng 32.000 sinh viên tốt nghiệp ĐH, trong đó khoảng 30% trong số này có việc làm phù hợp, còn lại khoảng 50% có việc làm trái ngành nghề đào tạo. (Trần Khánh Đức, Lao động việc làm và nguồn nhân lực ở Việt Nam 15 năm đổi mới, Nxb Thế Giới, Hà Nội năm 2001)

Trước những vấn đề bức xúc của xã hội về việc làm thì sinh viên khoa Giáo Dục cũng không tránh khỏi những lo toan suy nghĩ về việc làm trong tương lai sau khi mình ra trường. Nhận thấy được vấn đề bức thiết này, nhóm chúng tôi đã quyết định làm đề tài nghiên cứu về thực trạng việc làm của những sinh viên khoa Giáo Dục sau khi ra trường.

Việc nghiên cứu này giúp cho những thành viên lớp Giáo Dục chuẩn bị đầy đủ hành trang kiến thức, kỹ năng...cho nhu cầu tìm kiếm việc làm sau này.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Nghiên cứu về việc làm của sinh viên, trước đây đã được khá nhiều nhà chuyên môn nghiên cứu, có nhiều nguyên nhân được đưa ra và cũng đã có nhiều giải pháp giải quyết những vấn đề bức xúc được tìm hiểu nhưng nó mang một tính chất chung chung chưa tìm đến một ngành nghề cụ thể.

Năm 2007, đề tài nghiên cứu cấp trường về “Sự đáp ứng của sinh viên ngành quản lí Giáo dục trường Đại học Khoa Học Xã hội và Nhân văn đối với yêu cầu của thị trường lao động hiện nay” của TS Nguyễn Ánh Hồng đã giúp chúng ta thấy được thực trạng chung về việc làm của sinh viên chuyên ngành quản lí Giáo dục, những đánh giá và yêu cầu của các nhà tuyển dụng đối với các sinh viên chuyên ngành quản lí Giáo dục... Tuy nhiên đề tài nghiên cứu này chỉ tập trung vào những sinh viên đã ra trường thuộc chuyên ngành quản lí Giáo dục chứ chưa tìm hiểu về những sinh viên đã ra trường thuộc chuyên ngành Tâm lý Giáo dục, chưa nghiên cứu sâu về những khó khăn của sinh viên khoa Giáo dục khi ra trường. Đề tài nghiên cứu của chúng tôi mong muốn được đóng góp và bổ sung thêm những thiếu sót, hạn chế của đề tài nghiên cứu này.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu:

- Nghiên cứu thực trạng việc làm của sinh viên khoa Giáo Dục đã ra trường những năm 2006, 2007.
- Phân tích những tác động ảnh hưởng đến việc tìm kiếm việc làm.
- Đưa ra những đánh giá và đề xuất ý kiến.

- Thu thập dữ liệu để thấy được thực trạng việc làm của sinh viên Giáo dục khi ra trường.

Nhiệm vụ nghiên cứu:

- Có cái nhìn tổng thể chính xác hơn về thực trạng việc làm của sinh viên khoa Giáo Dục.

- Định hướng chuẩn bị nghề sau này.

- Giúp cho xã hội, nhà trường biết rõ thực trạng của sinh viên khoa nói riêng và sinh viên trường nói chung.

- Nhận biết những khó khăn khi tìm việc làm.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận:

Đề tài nghiên cứu dựa trên cơ sở thế giới quan chủ nghĩa Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về con người. Sử dụng phương pháp điều tra Xã hội học: Điều tra – phỏng vấn. chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn với những câu hỏi được dựa vào mục đích, nhiệm vụ của đề tài nghiên cứu. chúng tôi đã dùng 2 cách thức để tiến hành phỏng vấn, một nửa số sinh viên chúng tôi tiến hành phỏng vấn trực tiếp để thu thập số liệu một cách cụ thể và rõ ràng, một nửa phỏng vấn qua điện thoại để có thêm nhiều nguồn thông tin và cũng như các đối tượng chúng tôi phỏng vấn có tâm lý nhẹ nhàng trả lời các câu hỏi phỏng vấn.

- Phương pháp phân tích, tổng hợp: sau khi đã có được số liệu phỏng vấn, chúng tôi tiến hành tổng hợp và thống kê các số liệu có được bằng cách tính toán phần trăm.

- Hướng tiếp cận tư liệu thực hiện đề tài:

Ngoài quá trình thu thập tài liệu từ báo ,đài, internet... chúng tôi còn thực hiện các cuộc gặp gỡ, phỏng vấn, trao đổi với các sinh viên khoa Giáo dục đã ra trường khoá 2003 – 2007, 2004 – 2008.

5. Ý nghĩa thực tiễn của công trình nghiên cứu

- Giúp cho sinh viên lớp Giáo Dục 07 nhận thức rõ ngành học, ổn định tâm lý, định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

- Giúp xã hội nhìn nhận rõ hoàn cảnh việc làm khi ra trường của sinh viên khoa Giáo Dục nói riêng và của toàn xã hội nói chung. Từ đó có những giải pháp nhằm giải quyết vấn đề.

6. Kết cấu của công trình nghiên cứu

Chương 1: THỰC TRẠNG VIỆC LÀM SINH VIÊN KHOA GIÁO DỤC ĐÃ RA TRƯỜNG

1.1. Vài nét về khoa Giáo dục

1.2. Thực trạng việc làm của sinh viên khoa Giáo dục

1.3. Nhận xét

Chương 2: NHỮNG NGUYÊN NHÂN GÂY RA SỰ KHÓ KHĂN VỀ VIỆC LÀM CHO SINH VIÊN KHOA GIÁO DỤC ĐÃ RA TRƯỜNG

- 2.1. Nguyên nhân từ phía bản thân
- 2.2. Nguyên nhân từ phía nhà trường
- 2.3. Nguyên nhân từ phía nhà tuyển dụng

Chương 3: GIẢI PHÁP, KHUYẾN NGHỊ NHẪM GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ KHÓ KHĂN VỀ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN KHOA GIÁO DỤC ĐÃ RA TRƯỜNG

- 3.1. Giải pháp
 - 3.1.1. Về phía bản thân sinh viên
 - 3.1.2. Về phía nhà trường
 - 3.1.3. Về phía Xã hội
 - 3.2. Những khuyến nghị
- Kết luận

NỘI DUNG

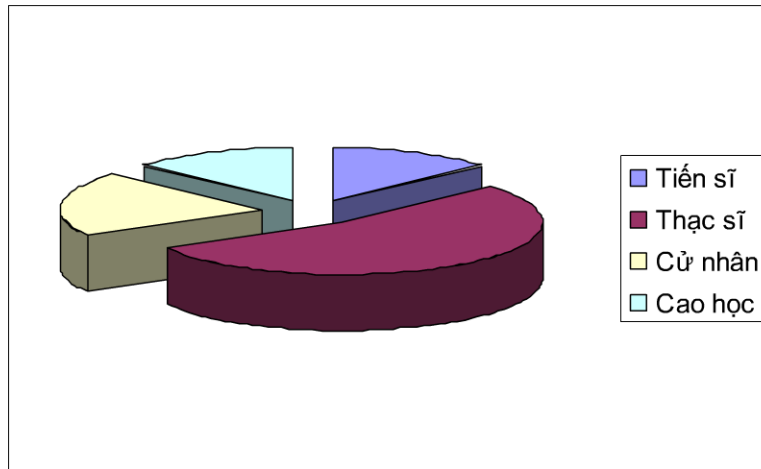
Chương 1: THỰC TRẠNG VIỆC LÀM SINH VIÊN KHOA GIÁO DỤC ĐÃ RA TRƯỜNG

1.1. Vài nét về khoa Giáo dục

Khoa Giáo dục trường đại học khoa học xã hội và nhân văn Tp HCM thuộc đại học quốc gia Tp HCM được thành lập năm 1999. mục tiêu đào tạo của khoa: “nhằm tạo ra những giáo viên, những chuyên gia tốt, kiến thức khoa học còn có những hiểu biết về khoa học giáo dục. họ có thể phục vụ trong nhiều ngành nghề, nhiều lĩnh vực sản xuất, kinh tế khác nhau nhưng đồng thời họ cũng có khả năng hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và trở thành những giáo viên đúng nghĩa, góp phần tích cực trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa của đất nước trong giai đoạn trước mắt cũng như thời gian lâu dài”. (Nguồn đề án thành lập Khoa Giáo dục, 1999)

Qua phỏng vấn thạc sĩ Nguyễn Thị Hảo, hiện khoa có 15 giảng viên bao gồm cả quản lý và giảng dạy, với số sinh viên khoa ước tính là 465 sinh viên. Học vị các giảng viên khoa được thống kê như sau: Học vị tiến sĩ 2 người (13,3%), thạc sĩ 8 người (53,3%), cử nhân và cao học 5 người (33,4%).

Được trình bày trên biểu đồ như sau:



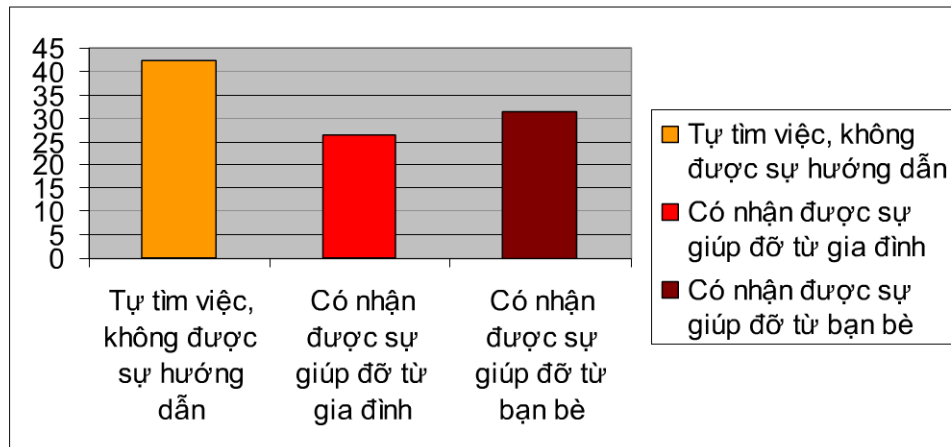
Theo phỏng vấn thạc sĩ Nguyễn Thị Dung cho biết: Lực lượng giảng viên còn thiếu, dần mỏng chưa đáp ứng được với nhu cầu đào tạo ngày càng tăng, đội ngũ giảng viên còn trẻ nên thiếu kinh nghiệm giảng dạy”.

1.2. Thực trạng việc làm sinh viên khoa Giáo Dục

Nhóm chúng tôi đã thực hiện cuộc điều tra, phỏng vấn với 19 sinh viên khoa Giáo Dục đã ra trường thuộc khoá 03, 04. Trong đó có 8 sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành tâm lý giáo dục, 11 sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành quản lý giáo dục và đã thu được kết quả như sau:

Đối với câu hỏi: *Sau khi ra trường anh (chị) có nhận được sự giúp đỡ, giới thiệu việc làm không?*

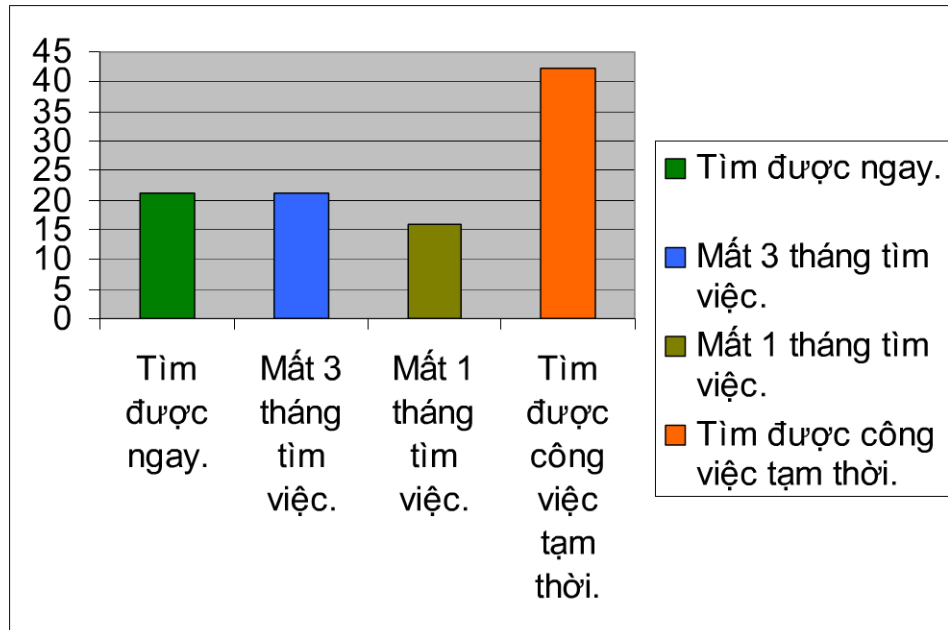
Bảng 1.1



Kết quả bảng 1.1 cho thấy: phần lớn các sinh viên khi ra trường phải dựa vào năng lực bản thân để tìm kiếm việc làm, phải tự thân vận động (42,1%), qua sự giúp đỡ của bạn bè (31,6%) điều này nói lên mối quan hệ tốt với bạn bè và có nhiều bạn cũng giúp rất nhiều cho việc tìm kiếm việc làm của bản thân, còn về sự giúp đỡ của gia đình khá thấp (26,3%) cũng vì đa phần sinh viên đều xuất thân từ gia đình ở nông thôn, đời sống còn gặp nhiều khó khăn.

Tiếp theo với câu hỏi: Sau khi ra trường A/C có tìm ngay được việc làm hay phải mất một thời gian?

Bảng 1.2:



Qua bảng 1.2 chúng ta thấy rằng: Đa số sinh viên ra trường đều không kiếm được việc làm ngay mà vẫn đang tìm kiếm việc phù hợp với ngành học. Do đó sinh viên phải làm nhiều công việc tạm thời (42,2%) chiếm tỉ lệ cao. Số sinh viên còn lại phải mất một thời gian chờ đợi việc làm (36,8%) chiếm tỉ lệ tương đối cao. Có rất ít sinh viên ra trường tìm ngay cho mình một công việc đúng chuyên môn ngành nghề (21%).

Với câu hỏi: *A/C có đánh giá gì về công việc hiện tại của mình ? A/C có ý định gắn bó lâu dài với công việc đó hay không?*

Hài lòng 52,6%

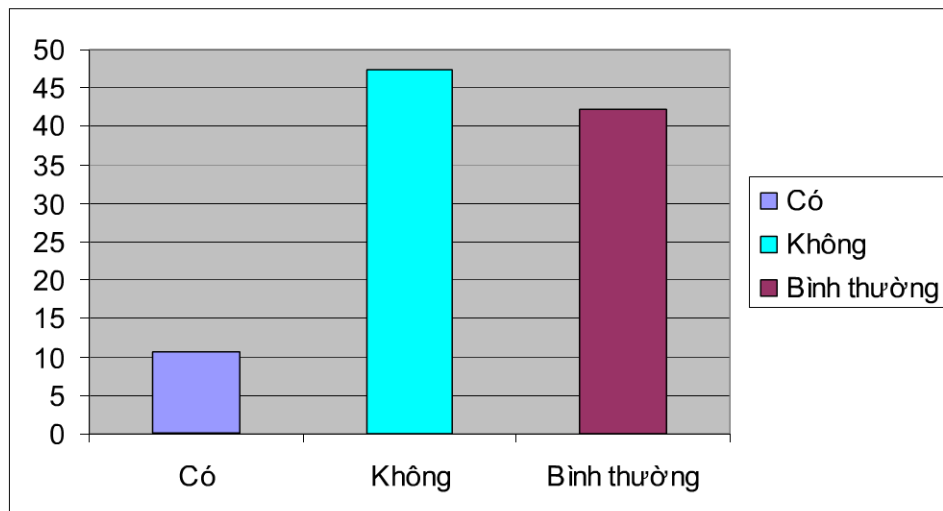
Không hài lòng 21,1%

Bình thường 26,3%

Qua số liệu điều tra trên cho thấy đa số sinh viên hài lòng với công việc tạm thời (mặc dù đó là công việc trái nghề) chiếm tỉ lệ cao (52,6%) và có ý định gắn bó với công việc hiện tại (bởi những công việc đó có mức lương cao, không tốn nhiều thời gian tìm việc và công việc đó phù hợp với khả năng, sở thích của họ). Với trình độ Đại học một số sinh viên không hài lòng với công việc hiện tại (21,1%) vì mức lương không tương xứng, công việc không phù hợp với chuyên môn. Số còn lại (26,3%) cảm thấy bình thường.

Với câu hỏi: *sau khi ra trường, với những kiến thức đã học A/C có vận dụng được vào công việc không?*

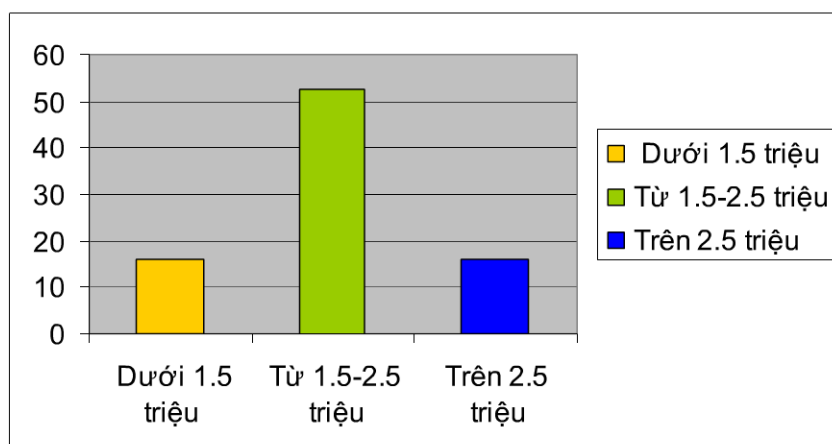
Biểu đồ 1.3



Theo biểu đồ 1.3. Ta thấy hiện tại đối với những sinh viên ra trường làm việc đúng chuyên môn, vận dụng kiến thức đã học vào công việc chiếm tỷ lệ thấp: 10,5%. Trong khi đó, tỷ lệ sinh viên ra trường làm việc không đúng chuyên môn, vận dụng kiến thức đã học chiếm tới 47,4%. Tỷ lệ này là tương đối cao so với tỷ lệ những sinh viên ra trường làm việc đúng chuyên môn, vận dụng được kiến thức đã học. Số còn lại cảm thấy bình thường chiếm 42.1%.

Theo điều tra, phỏng vấn mức lương hiện tại của 19 sinh viên đã ra trường được thống kê như sau.

Biểu đồ 1.4.



Qua bảng 1.4, cho ta thấy mức lương ảnh hưởng đến tâm lý tìm việc của sinh viên. Với trình độ đại học của mình làm cho sinh viên có xu hướng chọn ngành có mức lương cao phù hợp với khả năng và trình độ. Mà ngành Giáo dục thì có mức lương đối với sinh viên ra trường thì không cao, chỉ dưới 1.5 triệu chiếm 15,8%, lại chưa vào biên chế. Chính vì thế, phần lớn họ làm trái ngành

ngành với hy vọng mức lương cao: 1,5 đến 2,5 triệu chiếm 52,6% đáp ứng nhu cầu của bản thân.

Có ý kiến cho rằng: “Phần đông sinh viên ra trường làm trái ngành nghề”.
A/C có ý kiến gì?

Đồng ý	63.2%
Không đồng ý	36.8%

Qua khảo sát cho thấy, phần đông sinh viên đồng ý với nhận định trên. Điều này cho thấy, thực trạng sinh viên ra trường làm trái ngành nghề đang là vấn đề bức xúc và cần được sự quan tâm, giải quyết từ phía khoa, nhà trường, xã hội và chính bản thân mỗi sinh viên.

1.3. Nhận xét

Qua khảo sát thực tế, cho thấy phần lớn sinh viên ra trường khó tìm kiếm được việc làm ngay, hầu hết tìm được việc làm nhưng trái ngành nghề đào tạo, lương tương đối thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt chung, đặc biệt đối với những người làm việc ở thành phố. Sinh viên ra trường chủ yếu phải tự tìm việc làm, sự giúp đỡ từ phía nhà trường còn hạn chế. Những kiến thức được học chưa được áp dụng nhiều vào công việc nhưng nó là nền tảng cho sinh viên thực hiện công việc một cách dễ dàng hơn.

Từ việc phân tích những thực trạng trên chúng ta thấy có nhiều nguyên nhân gây khó khăn cho sinh viên khi tìm kiếm việc làm, đặc biệt là việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

Chương 2: NHỮNG NGUYÊN NHÂN GÂY RA SỰ KHÓ KHĂN VỀ VIỆC LÀM CHO SINH VIÊN KHOA GIÁO DỤC ĐÃ RA TRƯỜNG

Đất nước ta đang phát triển theo xu hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa do đó khoa học kỹ thuật đang được đầu tư phát triển mạnh đặc biệt là các ngành công nghiệp nặng... trong khi đó để làm được thì phải cần đến đội ngũ tri thức, chủ yếu là những tri thức đang được đào tạo trong môi trường đại học. Hiện tại thì sinh viên ra trường đa phần làm trái ngành nghề không chỉ riêng gì sinh viên khoa giáo dục mà sinh viên trường ĐH KH XH&NV nói chung. Chính vấn đề này đã đặt ra hàng loạt các câu hỏi cần được sự giải đáp. Cần phải tìm ra nguyên nhân để thấy rõ hơn thực trạng sinh viên ra trường không có việc làm ổn định hoặc trái ngành nghề chuyên môn.

2.1. Nguyên nhân từ phía bản thân

Khi mới bắt đầu vào đại học, chọn ngành học có khi nào sinh viên tự đặt cho mình câu hỏi mình đang học ngành gì? Học xong ra trường sẽ làm việc gì? Họ thi và vào học do rớt nguyện vọng 1, thậm chí cũng do cha mẹ người thân định hướng sẵn cho họ phải học ngành này mà trong khi đó chính mình lại không thích, “học chỉ để chống ché, học chỉ để có học”.

Trong quá trình học:

- Họ chưa chú tâm coi việc học tập là quan trọng, nó sẽ quyết định tới tương lai chính bản thân.
- Khi chọn chuyên ngành học cho mình, họ thấy không phù hợp, muốn chuyển ngành thì gặp khó khăn.
- Tư tưởng của sinh viên học để lấy bằng cấp chưa tích cực quan tâm đến vấn đề tiếp thu kiến thức sau 4 năm học được những gì.

Ngoài ra còn một số yếu tố khác.

2.2. Nguyên nhân từ phía nhà trường

Môi trường học đại học là luôn tạo cho người học tính chủ động, sáng tạo, luôn tìm tòi phát hiện cái mới, tạo ra công trình cho xã hội. Chất lượng giáo dục đào tạo của trường chưa thích ứng nhu cầu học tập của sinh viên. Có rất nhiều câu hỏi luôn được đặt ra mà câu trả lời thì quá mơ hồ. Phải chăng đó là những bức xúc cần được quan tâm, giải quyết. Đối với sinh viên khoa giáo dục ra trường chưa tìm kiếm được công việc ổn định, làm trái ngành nghề chuyên môn thậm chí một số chưa có việc làm. Theo điều tra phỏng vấn thì chúng tôi đã thu thập nhiều ý kiến khác nhau nhưng tựu chung lại là:

- Chương trình đào tạo của nhà trường đặc biệt là của khoa chưa sâu, phân bố thời gian môn học, chương trình học chưa hợp lí, không thiết thực khiến họ không thích học.
- Khoa còn thiếu đội ngũ giáo viên chuyên ngành có kinh nghiệm lâu năm.

- Nội dung học chưa đi sâu vào thực tế, cơ bản nặng về lý thuyết, yếu về thực hành.
- Vẫn quan tâm đến số lượng hơn chất lượng: chương trình học dàn trải, không quan tâm đến việc tiếp thu của sinh viên.
- Sự liên kết của nhà trường, khoa với các tổ chức Xã hội (nhà tuyển dụng) còn hạn chế.

2.3. Nguyên nhân từ phía nhà tuyển dụng

Đòi hỏi bằng cấp, đáp ứng mọi yêu cầu từ phía nhà tuyển dụng đưa ra, và trên thực tế thì sinh viên khoa Giáo dục ra trường chưa có việc làm phần lớn làm không đúng chuyên môn. Nhà tuyển dụng đòi hỏi trình độ học vấn, kinh nghiệm nghề nghiệp. Bên cạnh đó, tin học và ngoại ngữ luôn luôn đi kèm. Do sinh viên khoa chưa đáp ứng được nhu cầu của nhà tuyển dụng, một phần thất bại trong tìm kiếm việc làm không chỉ là thiếu kinh nghiệm mà sự rụt rè, nhút nhát của họ.

Chương 3: GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ NHẪM GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ KHÓ KHĂN VỀ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN KHOA GIÁO DỤC ĐÃ RA TRƯỜNG

3.1. Giải pháp

Để sinh viên khoa Giáo dục ra trường có việc làm và làm việc đúng với chuyên môn, ngành nghề đào tạo cần nêu ra giải pháp từ ba phía: bản thân, nhà trường, xã hội.

3.1.1. Về phía bản thân sinh viên

Sinh viên cần năng động, sáng tạo, tham gia nhiều hoạt động nhóm, hội, các buổi sinh hoạt sẽ giúp cho sinh viên năng động hơn trong giao tiếp và tìm kiếm việc làm.

Sinh viên phải tự thân vận động, nghiên cứu thêm nhiều tài liệu liên quan đến chuyên ngành để hỗ trợ thêm kiến thức cho mình.

Quan trọng là sinh viên cần nhận ra các khả năng (ưu điểm) của mình về lĩnh vực cụ thể để phát huy nó làm thế mạnh vì khi đi tìm kiếm việc làm, điều mà nhà tuyển dụng cần là cái cụ thể về một mảng nào đó nhất định chứ không cần cái chung chung thiên về lý thuyết.

Sinh viên cần phải biết tiếp thị bản thân và cần xác định năng lực của mình, biết đâu là điểm yếu, cách khắc phục những điểm yếu, phát huy thế mạnh để đủ bản lĩnh, tự tin hơn trong công việc.

Để thành công ở bất kỳ vị trí nào, bạn cần (kỹ năng, kiến thức, nhiệt huyết, lòng đam mê và làm việc có mục đích) ngoài những kỹ năng chuyên môn, sinh viên ra trường cần có kỹ năng quản lý, có niềm tin với công việc mình làm, bình tĩnh và sử dụng giao tiếp bằng mắt là yếu tố quyết định thành công.

Việc học thêm ngoại ngữ, vi tính rất quan trọng đối với công việc, tạo điều kiện tốt cho sinh viên xin việc làm, làm việc. Sinh viên không nên có tư tưởng học đối phó, học cho có bằng mà phải biết học để áp dụng kiến thức đó vào thực tế, tìm hiểu, phát triển thêm phần lý thuyết, thực hành.

Bản thân sinh viên phải tạo cho mình sự hưng phấn, thích thú, cần phải học thêm một số chuyên ngành khác như xã hội học, tâm lý, luật...để hỗ trợ cho công việc mình làm và tìm kiếm một công việc ổn định trong tương lai.

Sinh viên cần phải đặt cho mình mục tiêu và nhiệm vụ. Phải trả lời những câu hỏi học để làm gì? Học như thế nào? Bên cạnh đó cần tạo mối quan hệ với bạn bè, với doanh nghiệp, nhà tuyển dụng để học hỏi kinh nghiệm từ họ và có hướng đi cho tương lai.

3.1.2. Về phía nhà trường

Để tạo điều kiện cho sinh viên sau khi ra trường tìm kiếm việc làm một cách dễ dàng hơn thì việc đào tạo sinh viên cần đi sâu vào thực hành, chỉ có như thế, sau khi ra trường sinh viên sẽ bắt nhịp được ngay với công sở, nắm bắt và vận dụng ngay được công việc.

Có chương trình môn học thiết thực và chuyên sâu hơn về chuyên ngành đào tạo. Tìm hiểu thực tế việc làm sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường.

Tạo cho sinh viên có nhiều cơ hội để giao lưu, làm việc với các công ty, doanh nghiệp. Nhà trường cần tổ chức cho sinh viên những buổi giao lưu, gặp gỡ giữa sinh viên các khoa, các khóa để học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau, để rèn luyện thêm khả năng giao tiếp.

3.1.3. Về phía xã hội

Nhà tuyển dụng là cầu nối giữa sinh viên với cơ sở sử dụng lao động kết hợp với các công ty trong quá trình tuyển dụng, là nơi cung cấp thông tin tuyển đào tạo và bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng giúp sinh viên trong quá trình tìm việc

làm. Tư vấn hỗ trợ giới thiệu việc làm cho sinh viên đang học và sinh viên đã tốt nghiệp có nhu cầu.

3.2. Những khuyến nghị

3.2.1 Đối với khoa - bộ môn

Cần điều chỉnh hoàn thiện mục tiêu, chương trình đào tạo và các môn học chuyên ngành quản lí giáo dục và tâm lí giáo dục.

Điều chỉnh chương trình đào tạo đối với khối kiến thức chuyên ngành cần chuyên sâu, đặc biệt chú trọng đến những kĩ năng nghề nghiệp cho sinh viên.

Khoa nên liên kết với nhiều các doanh nghiệp, cơ sở sử dụng lao động, tăng cường tổ chức các buổi giao lưu giữa sinh viên của khoa với doanh nghiệp.

Thường xuyên thu thập thông tin đánh giá từ các cơ sở sử dụng lao động. tìm hiểu yêu cầu về nguồn lực(số lượng, chất lượng, cơ cấu)

Tổ chức các buổi hoạt động hướng nghiệp cho sinh viên.

3.2.2 Đối với nhà trường

Ủng hộ và tạo điều kiện giúp đỡ để khoa có thể thay đổi những nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo hướng nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu xã hội tạo cơ hội cho sinh viên ra trường tìm việc làm dễ dàng.

Tạo nhiều điều kiện cho sinh viên học tập nghiên cứu khoa học.

KẾT LUẬN




Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu, chúng tôi đưa ra một số nhận xét, đánh giá về thực trạng việc làm của sinh viên khoa giáo dục khi ra trường. Đây là tiêu chí đánh giá sự đáp ứng nguồn nhân lực tốt nghiệp của khoa đối với yêu cầu của xã hội (nhà tuyển dụng). Qua nghiên cứu trên giúp cho sinh viên khoa Giáo dục xác định thái độ học tập và định hướng được nghề nghiệp trong tương lai.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
KHOA GIÁO DỤC

Đề tài nghiên cứu khoa học :

“Hiện trạng sinh viên khoa Giáo Dục học ra trường làm trái nghề”.

Nội dung cần phỏng vấn :

1. Tìm hiểu tên, tuổi và địa chỉ (nơi đang sống và làm việc , số điện thoại , address email.) của người được phỏng vấn.
2. Anh/chị tốt nghiệp chuyên ngành gì? Khóa nào?
3. Tìm hiểu công việc hiện tại và mức lương được hưởng của người được phỏng vấn.
4. Sau khi ra trường A/C có nhận được sự giúp đỡ, giới thiệu việc làm không?
5. Sau khi ra trường A/C có tìm ngay được việc làm ? Hay phải mất một thời gian và thông qua nhiều nhà tuyển dụng?
6. A/C có đánh giá gì về công việc hiện tại của mình ? A/C có ý định gắn bó lâu dài với công việc đó hay không?
7. Sau khi ra trường, với những kiến thức đã học A/C có vận dụng được vào công việc không?
8. vì sao A/C lựa chọn công việc hiện nay?
9. có ý kiến cho rằng phần đông sinh viên khoa giáo dục ra trường đều làm trái nghề? A/C nghĩ gì về ý kiến trên?
10. Vậy theo A/C, lí do nào khiến sinh viên khoa Giáo Dục khi ra trường lại làm việc trái với ngành nghề đã học?
 -  Do năng lực bản thân, yếu về tin học và ngoại ngữ?
 -  Do chương trình đào tạo của khoa chưa sâu? Chưa sát thực?
 -  Do nhu cầu xã hội ít mà chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm quá nhiều?
11. A/C có lời khuyên gì cho những sinh viên của khoa Giáo Dục chưa tốt nghiệp?

Xin cảm ơn A/C. Chúc A/C luôn khỏe mạnh và thành đạt.

Chúc đề tài của *nhóm 1* thành công.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Khánh Đức (2001), *Lao động việc làm và nguồn nhân lực ở Việt Nam 15 năm đổi mới*, Nxb Thế Giới, Hà Nội.

2. Nguyễn Ánh Hồng (2007), *báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu cấp trường “Sự đáp ứng của sinh viên ngành quản lý Giáo dục trường ĐH KHXH & NV đối với yêu cầu của thị trường lao động hiện nay”*, tp HCM.

<http://nls.hcmuaf.edu.vn/contents.php?ids=3228&ur=nls>

<http://www.kinhtenongthon.com.vn/printContent.aspx?ID=4778>




PHỤ LỤC

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
KHOA GIÁO DỤC

Đề tài nghiên cứu khoa học :

“Thực trạng việc làm của sinh viên khoa Giáo Dục sau khi ra trường”.

Nội dung cần phỏng vấn :

11. Tìm hiểu tên, tuổi và địa chỉ (nơi đang sống và làm việc , số điện thoại , address email.) của người được phỏng vấn.
12. Anh/chị tốt nghiệp chuyên ngành gì? Khóa nào?
13. Tìm hiểu công việc hiện tại và mức lương được hưởng của người được phỏng vấn.
14. Sau khi ra trường A/C có nhận được sự giúp đỡ , giới thiệu việc làm không?
15. Sau khi ra trường A/C có tìm ngay được việc làm ? hay phải mất một thời gian và thông qua nhiều nhà tuyển dụng?
16. A/C có đánh giá gì về công việc hiện tại của mình ? A/C có ý định gắn bó lâu dài với công việc đó hay không?
17. Sau khi ra trường, với những kiến thức đã học A/C có vận dụng được vào công việc không?
18. Vì sao A/C lựa chọn công việc hiện nay?
19. Có ý kiến cho rằng phần đông sinh viên khoa giáo dục ra trường đều làm trái nghề? A/C nghĩ gì về ý kiến trên?
20. Vậy theo a/c, lí do nào khiến sinh viên khoa Giáo Dục khi ra trường lại làm việc trái với ngành nghề đã học?
 -  Do năng lực bản thân, yếu về tin học và ngoại ngữ?
 -  Do chương trình đào tạo của khoa chưa sâu? Chưa sát thực?
 -  Do nhu cầu xã hội ít mà chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm quá nhiều?
11. A/C có lời khuyên gì cho những sinh viên của khoa Giáo Dục chưa tốt nghiệp?

Xin cảm ơn A/C. Chúc A/C luôn khỏe mạnh và thành đạt.

Chúc đề tài của *nhóm 1* thành công.